

BẢN TIN MÙA
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2018-2019

Lưu vực sông Cả, tỉnh Nghệ An – Hà Tĩnh

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Trạm	Lượng mưa cộng dồn 1/6/2018-18/10/2018 (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa từ nay đến đầu Đông Xuân 2018-2019 (mm)	Dự báo tình hình mưa trong vụ sản xuất Đông Xuân 2018-2019 (mm)
		Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016		
Vinh	1030,3	-27 %	-44,8 %	-33,7 %	355,4	274,2
Đô Lương	991,1	-22,5 %	-39,6 %	-23,6 %	196,7	218,8
Cửa Rào	1106,5	-8,1 %	-27,5 %	-6,2 %	142,1	180,3
Hà Tĩnh	1036,2	-37,2 %	-45,6 %	-58,3 %	718,1	271,9
Trung bình	1040,1				289,9	

Nhận xét:

- **Lượng mưa cộng dồn từ 1/6-nay:** Trên lưu vực sông Cả lượng mưa cộng dồn tại các trạm Vinh, Đô Lương, Cửa Rào và Hà Tĩnh từ 01/06/2018 đến thời điểm dự báo thấp hơn lượng mưa TBNN cùng thời kỳ từ 1-29%. Thấp hơn so với năm 2018 cùng thời kỳ từ 27-46%, thấp hơn so với năm 2017 cùng thời kỳ từ 2-59%.

- **Nhận định mưa từ nay đến 31/12/2018:** Trên lưu vực sông Cả lượng mưa tại các trạm Cửa Rào và Hà Tĩnh từ thời điểm dự báo đến ngày 31/12/2018 thấp hơn lượng mưa TBNN cùng thời kỳ từ 41-43%, tại trạm Vinh và Đô Lương cao hơn lượng mưa TBNN cùng thời kỳ từ 1-54%. Lượng mưa trên lưu vực cao hơn so với năm 2017 cùng thời kỳ từ 29-41%, thấp hơn so với năm 2016 cùng thời kỳ từ 6-48%.

- **Nhận định mưa vụ Đông xuân 2018-2019:** Dự báo lượng mưa vụ khoảng từ 180-274mm, thấp hơn lượng mưa TBNN cùng thời kỳ từ 21-53%, thấp hơn so với năm 2017 cùng thời kỳ từ 29-68%, thấp hơn so với năm 2018 cùng thời kỳ từ 6-53%.



2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trừ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trừ hiện tại so với Wtk (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trừ đầu vụ ĐX 2018- 2019 (%)	Dự kiến W trừ cuối vụ ĐX 2018- 2019 (%)
				TBNN	2017	2016			
NGHỆ AN		196,3	99		6	17			65
1	Cửa Ông	2,1	100		0	28	Tăng	100	63
2	Khe Gõ	5,4	100		0	223	Tăng	100	44
3	Hồ Lách Bưởi	2,1	100		0	407	Giảm	100	26
4	Hồ Khe Làng	3,1	100		0	34	Giảm	100	44
5	Hồ Nghi Công	2,6	100		0	0	Tăng	100	82
6	Hồ Khe Xiêm	3,2	100		0	73	Tăng	100	79
7	Hồ Khe Thị	2,7	100		0	52	Giảm	100	43
8	Bàu Gia	11,2	100		0	35	Giảm	100	46
9	Mả Tổ								
10	Hồ Xuân Dương	9,3	100		0	15	Giảm	100	52
11	Kè Sắt	3,0	100		0	13	Tăng	100	51
12	Nhà Trò	4,7	100		0	0	Giảm	100	68
13	Đồn Húng	4,4	100		0	40	Tăng	100	62
14	Quản Hải	5,3	100		0	0	Giảm	100	40
15	Vệ Vòng	18,4	100		0	17	Giảm	100	64
16	3/2	4,7	94		-6	8	Giảm	100	52
17	Bà Tùy	5,5	100		0	38	Tăng	100	77
18	Vực Máu	75,0	98		19	1	Tăng	100	76
19	Bàu Đá	3,9	100		0	0	Tăng	100	40
20	Cầu Cau	2,9	100		0	0	Giảm	100	56
21	Khe Nậy	2,0	100		0	202	Giảm	100	4
22	Cao Cang	1,6	100		0	0	Giảm	100	42
23	Khe Là	2,5	100		0	0	Giảm	100	91
24	Khe Đá	16,6	100		0	56	Tăng	100	80
25	Khe Canh	4,2	100		0	52	Tăng	100	69
HÀ TỈNH		558,2	46		-40	-49			35
26	Kè Gõ	345,0	37		-49	-57	Giảm	61	19
27	Sông Rác	124,5	59		-22	-40	Giảm	100	70
28	Thượng Tuy	18,9	29		-67	-64	Giảm	51	15
29	Đập Bún	3,5	35		-75	-71	Giảm	45	18
30	Cửa Thờ - Trại Tiểu	15,9	64		-36	-39	Giảm	100	70
31	Cu Lây - Trường	13,0	84		-17	2	Giảm	88	60



TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với Wtk (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ đầu vụ ĐX 2018-2019 (%)	Dự kiến W trữ cuối vụ ĐX 2018-2019 (%)
				TBNN	2017	2016			
	Lão								
32	Bình Hà	9,6	79		-20	-21	Tăng	87	73
33	Nhà Đường	3,9	100		-1	-28	Giảm	100	51
34	Khe Hao trên	3,8	19		-81	-60	Giảm	31	Dưới MNC
35	Khe Hao dưới								
36	Đá Bạc	2,9	24		-59	-67	Giảm	37	20
37	Xuân Hoa	9,0	74		-21	-25	Giảm	80	57
38	Hồ Cồn Tranh	2,0	100		6	8	Giảm	100	6
39	Hồ Khe Cò	3,4	84		-19	-16	Giảm	98	Dưới MNC
40	Hồ Cao Thắng	2,7	73		-9	-15	Giảm	81	38
TỔNG		754,5	60		-26	-32			37

Nhận xét:

- **Hiện tại:** Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa tỉnh Nghệ An là 194,6 triệu m³ đạt 99% so với thiết kế. Các hồ tại Nghệ An hầu hết đều đang đầy nước.

Tại Hà Tĩnh, dung tích trữ các hồ chứa là 256,1 triệu m³, đạt 46% so với thiết kế. Hiện tại chỉ có 2 hồ đầy nước là hồ Nhà Đường và Cồn Tranh, có 5 hồ dung tích thấp hơn 50% là hồ Đá Bạc, hồ Khe Hao, hồ Kẻ Gỗ và đập Bún.

- Dự báo xu thế nguồn nước các hồ đầu vụ Đông Xuân 2018-2019:

Tại Nghệ An, dự báo xu thế nguồn nước tại các hồ đạt 100% thiết kế lớn hơn cùng kỳ năm 2018.

Tại Hà Tĩnh,, dự báo nguồn nước các hồ đạt 72% thiết kế giảm so với cùng kỳ 2018

- **Dự báo xu thế nguồn nước của các công trình tỉnh từ thời điểm hiện tại đến cuối vụ Đông Xuân năm 2019 như sau:**

+ Tại Nghệ An, dự báo đến cuối vụ Đông Xuân tổng dung tích các hồ đạt 65% thiết kế. Một số hồ chứa có dung tích thấp như hồ Lách Bưởi (26%) Khe Gỗ (44%), Khe Thị (40%), Quán Hải (40%). Riêng hồ Khe Nậy có nguy cơ thiếu nước.

+ Tại Hà Tĩnh: dự báo đến cuối vụ Đông Xuân tổng dung tích các hồ chỉ còn 35% thiết kế. Một số hồ chứa có dung tích thấp như hồ Kẻ Gỗ (19%), Thượng Tuy (15%), Cồn Tranh (6%), Đá Bạc (20%), đập Bún (18%). Riêng hồ Khe Hao và hồ Khe Cò không đảm bảo tưới.



b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng nước đến hồ	Lượng nước bổ sung cho hạ du
			Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016		
Bản Vẽ	1383,0	1331,6	+5,8	-0,3	+19,8	Tăng	142

Nhận xét: Dung tích hữu ích hiện có cao hơn so với TBNN là 5,8%, thấp hơn so với năm 2017 là 0,3% và cao hơn so với năm 2016 là 19,8% cùng thời kỳ.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

1. Các kịch bản hạn hán

❖ Mục tiêu xây dựng kịch bản

Xây dựng được cơ sở dữ liệu nền về nguồn nước, tình hình sản xuất và thiệt hại, làm tham chiếu nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành sản xuất nông nghiệp.

❖ Phương pháp thực hiện: Dựa trên 2 nhóm yếu tố chính

(1) Nguồn nước (lượng mưa): Dựa vào (a) QĐ 44/2014/QĐ-TTg hướng dẫn về cấp độ rủi ro thiên tai; (b) “Qui định kỹ thuật về công tác dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ vận hành các hệ thống công trình thủy lợi”. Tổng cục Thủy lợi đang xây dựng.

(2) Dung tích trữ trong hồ chứa và tình hình sản xuất:

- Dung tích trữ trong các hồ chứa tại thời điểm xây dựng kịch bản;
- Diện tích sản xuất, ngừng hoặc chuyển đổi sản xuất (thống kê);
- Diện tích thiệt hại do thiếu nước (thống kê);
- Tình hình thực tế vận hành của hệ thống thủy lợi qua các năm.

❖ Các kịch bản tính toán phục vụ điều hành sản xuất

- Kịch bản nhiều nước (không hạn)
- Kịch bản trung bình (hạn nhẹ)
- Kịch bản ít nước (hạn vừa)
- Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)

1.1. Nguồn nước (lượng mưa): Lựa chọn trạm Đô Lương cho tỉnh Nghệ An và trạm Hà Tĩnh cho tỉnh Hà Tĩnh làm đại diện tính toán xây dựng kịch bản vụ Đông Xuân 2018-2019 trên lưu vực sông Cả



- Lượng mưa dự báo vụ Đông Xuân năm 2019 ứng với các tần suất 25%, 50%, 75% tại Nghệ An

TT	P%	Đông Xuân
		X(mm)
1	25%	408
2	50%	340
3	75%	274

- Lượng mưa dự báo vụ Đông Xuân năm 2019 ứng với các tần suất 25%, 50%, 75% tại Hà Tĩnh

TT	P%	Đông Xuân
		X(mm)
1	25%	533
2	50%	419
3	75%	331

- Kịch bản hạn về nguồn nước tương ứng với các năm tại Nghệ An

TT	Kịch bản	Lượng mưa(mm)	Tần suất	Năm tương ứng
1	Kịch bản nhiều nước (không hạn)	>408	Mưa (<P25%)	2017,2018
2	Kịch bản nước trung bình (hạn nhẹ)	340÷408	Mưa (P25%-50%)	2008,2015
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	274÷340	Mưa (P50%-75%)	2012,2013
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<274	Mưa (>P75%)	2014,2016

- Kịch bản hạn về nguồn nước tương ứng với các năm tại Hà Tĩnh

TT	Kịch bản	Lượng mưa(mm)	Tần suất	Năm tương ứng
1	Kịch bản nhiều nước (không hạn)	>533	Mưa (<P25%)	2015,2016
2	Kịch bản nước trung bình (hạn nhẹ)	419÷533	Mưa (P25%-50%)	2017,2008
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	331÷419	Mưa (P50%-75%)	2011,2013.2012
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<331	Mưa (>P75%)	2010

1.2. Dung tích trữ các hồ chứa và tình hình hạn hán:

a. Tại Nghệ An

TT	Kịch bản	Nguồn nước trữ hồ chứa (triệu m ³)	Năm tương tự đã xảy ra	Phạm vi, mức độ ảnh hưởng (ha)
1	Kịch bản không thiếu nước (không hạn)	147,3÷196,3 (đạt từ 75% -100% DTTK)	-	0
2	Kịch bản thiếu nước nhẹ (hạn nhẹ)	98,2÷147,3 (đạt từ 50% -75% DTTK)	2015	1.000÷8.000
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	49,1÷98,2 (đạt từ 25% -50% DTTK)	2009,2013	8.000÷20.000



TT	Kịch bản	Nguồn nước trữ hồ chứa (triệu m ³)	Năm tương tự đã xảy ra	Phạm vi, mức độ ảnh hưởng (ha)
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<49,1 (nhỏ hơn 25% DTTK)	2016	>20.000

b. Tại Hà Tĩnh

TT	Kịch bản	Nguồn nước trữ hồ chứa (triệu m ³)	Năm tương tự đã xảy ra	Phạm vi, mức độ ảnh hưởng (ha)
1	Kịch bản không thiếu nước (không hạn)	418,6÷558 (đạt từ 75% -100% DTTK)	2015	0
2	Kịch bản thiếu nước nhẹ (hạn nhẹ)	279,1÷418,6 (đạt từ 50% -75% DTTK)	2011,2012	500÷1.200
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	139,5÷279,1 (đạt từ 25% -50% DTTK)	2010	1.200÷5.000
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	<139,5 (nhỏ hơn 25% DTTK)	-	>5.000

1.3. Lựa chọn các kịch bản hạn hán cho tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh:

Dựa trên các yếu tố chính về nguồn nước, dung tích trữ hồ chứa và diện tích hạn hán thống kê được trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh trong vòng 10 năm trở lại đây. Có thể lựa chọn các kịch bản tính toán như sau:

a. Nghệ An

Các kịch bản hạn hán cho khu vực Nghệ An lưu vực sông Cả:

- KB không hạn: chưa xảy ra

- KB hạn nhẹ: Đông Xuân 2014-2015

+ Lượng mưa vụ: 370mm (TBNN 347,5mm)

+ Tổng dung tích các hồ: 142,32 triệu m³

+ Tổng diện tích thiếu nước: 7.200ha

- KB hạn vừa: Đông Xuân 2012-2013

+ Lượng mưa vụ: 280mm (TBNN 347,5mm)

+ Tổng diện tích thiếu nước: 11.300ha

- KB hạn nặng: Đông Xuân 2015-2016

+ Lượng mưa vụ: 250,7mm (TBNN 347,5mm)

+ Tổng dung tích các hồ: 90,14 triệu m³

+ Tổng diện tích thiếu nước: 21.300ha

b. Hà Tĩnh

Các kịch bản hạn hán cho khu vực Hà Tĩnh lưu vực sông Cả:

- KB không hạn: Đông Xuân 2015-2016

+ Lượng mưa vụ: 955,1mm (TBNN 458,2mm)



- + Tổng dung tích các hồ: 429,6 triệu m³
- *KB hạn nhẹ: Đông Xuân 2011-2012*
- + Lượng mưa vụ: 394,8mm (TBNN 458,2mm)
- + Tổng dung tích các hồ: 418 triệu m³
- + Tổng diện tích thiếu nước: 853,3ha
- *KB hạn vừa: Đông Xuân 2010-2011*
- + Lượng mưa vụ: 292,4mm (TBNN 458,2mm)
- + Tổng dung tích các hồ: 279 triệu m³
- + Tổng diện tích thiếu nước: 1.295,1ha

Nhận định vụ Đông Xuân năm 2018-2019: Dựa trên kết quả dung tích hồ chứa đầu vụ và xu thế thời tiết năm 2019 thì tỉnh Nghệ An có khả năng xảy ra hạn nhẹ tại khu tưới các hồ Khe Nậy, Lách Bưởi, Khe Làng và vùng ngoài hồ chứa. Tỉnh Hà Tĩnh sẽ xảy ra hạn vừa ở khu tưới hồ Kẽ Gõ, Thượng Tuy, Khe Hao, Đá Bạc và vùng cuối kênh sông Nghèn.

2. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Cơ sở tính toán cân bằng nước cho lưu vực sông Cả:

- Diện tích tưới các công trình thủy lợi: Do hiện nay các địa phương chưa có kế hoạch tưới chi tiết cho các hồ nên trong bản tin này lấy số liệu diện tích các hồ chứa vụ Đông Xuân năm 2017-2018 để tính nhu cầu nước. Tổng nhu cầu nước cho vụ Đông Xuân năm 2019 của 40 công trình hồ đập phụ trách trên lưu vực sông Cả là 262,6 triệu m³.

- Dòng chảy đến các công trình thủy lợi lấy theo số liệu nhận định của TTDBKTTVTW ngày 15/10/2018.

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên lưu vực sông Cả, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, kết quả tính toán cho thấy: 2 hồ đập thuộc Hà Tĩnh không đáp ứng được nhu cầu cấp nước trên lưu vực sông Cả và phụ cận là hồ Khe Hao (đáp ứng được 13%) và Khe Cò (đáp ứng được 83%). Các hồ còn lại trên lưu vực sông Cả thuộc tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh đáp ứng được hết nhu cầu nước trong vụ Đông Xuân 2019.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân năm 2019 trên lưu vực Sông Cả và phụ cận được thể hiện dưới bảng sau:



TT	Tên công trình	Dung tích hiện tại so với Thiết Kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019			Ghi chú
				Dung tích hữu ích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
NGHỆ AN			7920,1			7920,1	
1	Cửa Ông	100	82,5	63	100	82,5	Đủ nước
2	Khe Gõ	100	415,3	44	100	415,3	Đủ nước
3	Hồ Lách Bưởi	100	179,0	26	100	179,0	Đủ nước
4	Hồ Khe Làng	100	205,2	44	100	205,2	Đủ nước
5	Hồ Nghi Công	100	371,3	82	100	371,3	Đủ nước
6	Hồ Khe Xiêm	100	104,0	79	100	104,0	Đủ nước
7	Hồ Khe Thị	100	186,0	43	100	186,0	Đủ nước
8+9	BG-MT	100	652,9	46	100	652,9	Đủ nước
10	Hồ Xuân Dương	100	507,0	52	100	507,0	Đủ nước
11	Kè Sắt	100	174,0	51	100	174,0	Đủ nước
12	Nhà Trò	100	167,5	68	100	167,5	Đủ nước
13	Đôn Hùng	100	200,4	62	100	200,4	Đủ nước
14	Quản Hải	100	355,0	40	100	355,0	Đủ nước
15	Vệ Vũng	100	539,2	64	100	539,2	Đủ nước
16	3/2	94	283,6	52	100	283,6	Đủ nước
17	Bà Tuy	100	127,1	77	100	127,1	Đủ nước
18	Vực Mầu	98	1456,3	76	100	1456,3	Đủ nước
19	Bàu Đá	100	275,5	40	100	275,5	Đủ nước
20	Cầu Cau	100	212,4	56	100	212,4	Đủ nước
21	Khe Nậy	100	275,6	4	100	275,6	Đủ nước
22	Cao Cang	100	243,2	42	100	243,2	Đủ nước
23	Khe Là	100	112,8	91	100	112,8	Đủ nước
24	Khe Đá	100	545,7	80	100	545,7	Đủ nước
25	Khe Canh	100	248,6	69	100	248,6	Đủ nước
HÀ TỈNH					99	25166,4	
26	Kè Gõ	37	13136,7	19	100	13136,7	Đủ nước
27	Sông Rác	59	4282,8	70	100	4282,8	Đủ nước
28	Thượng Tuy	29	693,5	15	100	693,5	Đủ nước
29	Đập Bún	35	118,0	18	100	118,0	Đủ nước
30	Cửa Thờ - Trại Tiêu	64	2288,0	70	100	2288,0	Đủ nước
31	Cu Lây - Trường Lão	84	1659,0	60	100	1659,0	Đủ nước
32	Bình Hà	79	138,0	73	100	138,0	Đủ nước
33	Nhà Đường	100	684,0	51	100	684,0	Đủ nước
34+35	Khe Hao trên Khe Hao dưới	19	236,8	Dưới MNC	31	90,8	Thiếu nước
36	Đá Bạc	24	174,0	20	100	174,0	Đủ nước
37	Xuân Hoa	74	494,2	57	100	494,2	Đủ nước
38	Hồ Cồn Tranh	127	400,0	6	100	400,0	Đủ nước

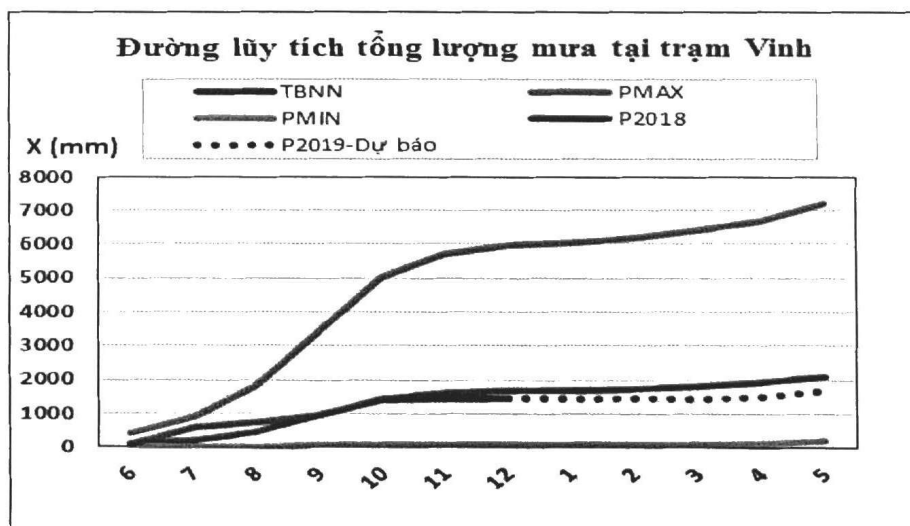


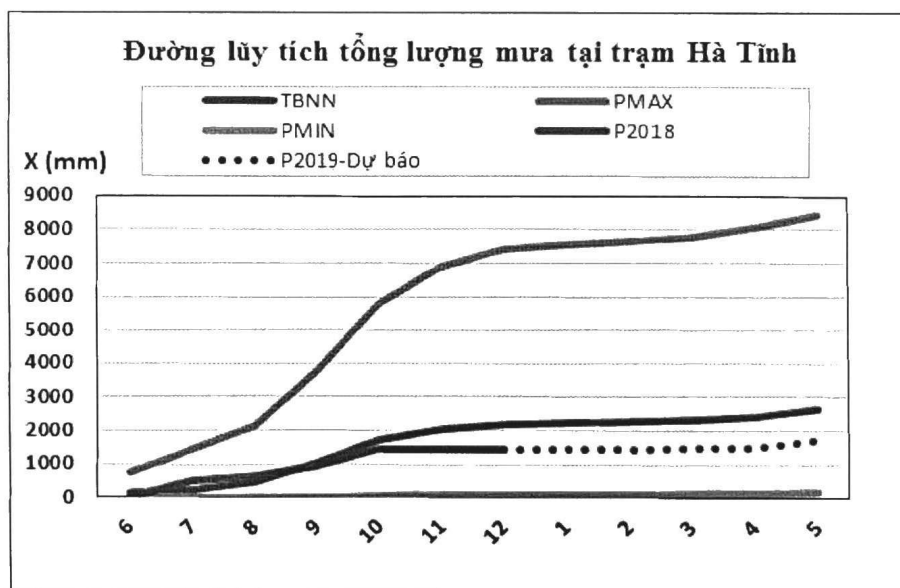
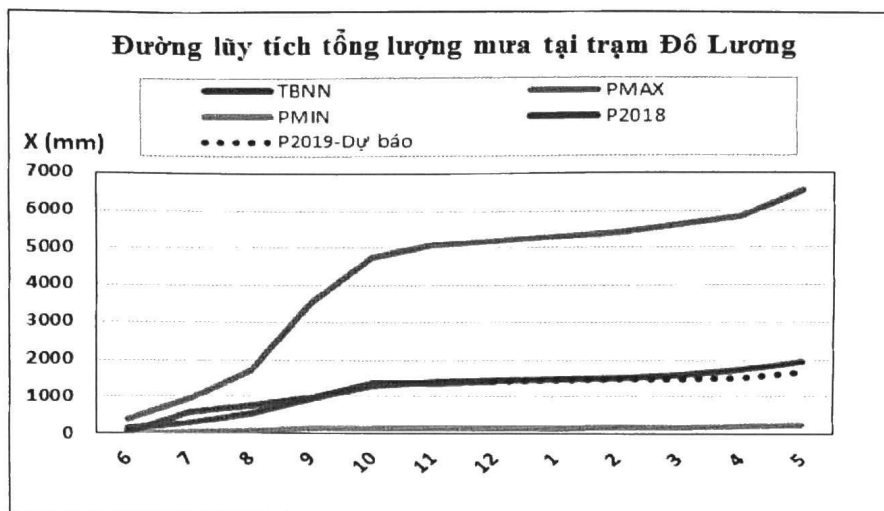
TT	Tên công trình	Dung tích hiện tại so với Thiết Kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2018-2019			Ghi chú
				Dung tích hữu ích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
39	Hồ Khe Cò	84	587,2	0	83	487,4	Thiếu nước
40	Hồ Cao Thắng	73	580,0	38	100	580,0	Đủ nước

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Vinh	Nghệ An	1709,7	+ 1167,4	-15,8	-75,5	Rủi ro có hạn
Đô Lương	Nghệ An	1646,0	+ 699,8	-8,1	-73,2	Rủi ro có hạn
Cửa Rào	Nghệ An	1417,4	+ 615,9	-17,6	-73,5	Rủi ro có hạn
Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	1724,4	+ 980,4	-35,1	-80,7	Rủi ro có hạn

Nhận xét và khuyến cáo: Lượng mưa cộng dồn từ đầu mùa mưa 06/2018 tính đến cuối 05/2019 tại trạm Vinh, Đô Lương, Cửa Rào, Hà Tĩnh thấp hơn so với TBNN (từ 8 - 35% so với TBNN), nên khả năng lượng nước cung cấp nước ngầm không đảm bảo tương đương mức trung bình nhiều năm.





Hình 2: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Cả

Ghi chú: P-TBNN: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Pmax: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm; Pmin: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

P-2018: Lượng mưa thực đo năm 2018; P-2019-Dự báo: Lượng mưa dự báo năm 2019

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở dung tích trữ hiện tại các hồ chứa hiện có, nhận định về khí tượng, thủy văn của Trung tâm dự báo KTTVTW từ nay đến hết vụ Đông Xuân năm 2018-2019 trên lưu vực sông Cả.

Theo tính toán của Viện Quy hoạch Thủy lợi trên lưu vực sông Cả:

- Đối với tỉnh Nghệ An: Nguồn nước trữ các hồ chứa đầu vụ Đông Xuân rất tốt đạt 100%, tuy nhiên do lượng mưa vụ tới chỉ từ 180-274mm, thấp hơn TBNN từ 21-53% nên có nguy cơ xảy ra hạn nhẹ cục bộ tại khu vực cuối kênh, các vùng tưới các hồ chứa nhỏ và trạm bơm vào cuối vụ Đông Xuân. Cần theo dõi và thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm đối với các hồ chứa như hồ Lách Bưởi, Khe Gỗ, Khe Làng, Khe Thị, Quán Hải, Khe Nặng để đảm bảo cân đối nguồn nước cho vụ Hè Thu 2018-2019.



- Đối với tỉnh Hà Tĩnh: Hiện nay dung tích các hồ rất thấp đạt 46% so với thiết kế, dự kiến đến đầu vụ Đông Xuân chỉ đạt 72% so với thiết kế. Nhiều hồ dự báo đầu vụ có dung tích thấp như hồ Kê Gõ chỉ đạt 61%, hồ Thượng Tuy 51%, cá biệt có hồ Khe Hao, Đá Bạc chỉ đạt 31-37%. Với lượng mưa dự báo cả vụ Đông Xuân đạt 271mm, thiếu hụt so với TBNN 38% thì hồ Khe Cò và hồ Khe Hao sẽ không đủ nước tưới, hồ Kê Gõ, Thượng Tuy, đập Bún cần cân đối lại diện tích để đảm bảo tưới cho vụ Hè Thu 2018-2019.

Do hiện nay vẫn trong mùa mưa nên diễn biến thời tiết còn nhiều thay đổi, vì vậy đề nghị các địa phương cần tích nước tối đa với khu tưới hồ Kê Gõ, Thượng Tuy, Đá Bạc, Khe Hao từ nay đến đầu vụ Đông Xuân.

Bản tin tiếp theo sẽ được cập nhật vào ngày 18/11/2018.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Hà Tĩnh;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Nghệ An,
Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Nghệ An,
Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Hà Tĩnh,
Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Hà Tĩnh;
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Lương Ngọc Chung

